UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG THCS TÂN NHỰT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Cam kết chất lượng giáo dục của Trường THCS Tân Nhựt
Năm học 2023 - 2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 09

Nội dung	Chia theo khối lớp			
	Lớp 6	**Lớp 7**	**Lớp 8**	**Lớp 9**
I. Điều kiện tuyển sinh	*** Tuyển sinh đầu cấp:** - Độ tuổi: 11 - 14 - Hoàn thành chương trình tiểu học - Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: + Phiếu đăng ký nhập học + Bản chính học bạ lớp 5, + Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH, + Bản sao hộ khẩu hoặc tạm trú tại Huyện Bình Chánh.	*** Tiếp nhận HS chuyển đến:** - Độ tuổi: 12 – 15 - Hồ sơ chuyển trường đầy đủ, hợp lệ: + Đơn xin chuyển trường, + Bản sao khai sinh hợp lệ, + Bản chính Học bạ THCS, + Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH, + Giấy giới thiệu chuyển trường của nơi đi, + Giấy tờ liên quan việc cư trú tại địa phương.	*** Tiếp nhận HS chuyển đến:** - Độ tuổi: 13 – 16 - Hồ sơ chuyển trường đầy đủ, hợp lệ: + Đơn xin chuyển trường, + Bản sao khai sinh hợp lệ, + Bản chính Học bạ THCS, + Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH, + Giấy giới thiệu chuyển trường của nơi đi, + Giấy tờ liên quan việc cư trú tại địa phương.	*** Tiếp nhận HS chuyển đến:** - Độ tuổi: 14 – 17 - Hồ sơ chuyển trường đầy đủ, hợp lệ: + Đơn xin chuyển trường, + Bản sao khai sinh hợp lệ, + Bản chính Học bạ THCS, + Giấy chứng nhận hoàn thành chương trình TH, + Giấy giới thiệu chuyển trường của nơi đi, + Giấy tờ liên quan việc cư trú tại địa phương.
II. Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	- Thực hiện 35 tuần thực học + HKI: 18 tuần + HKII: 17 tuần - Thực hiện theo khung	- Thực hiện 35 tuần thực học + HKI: 18 tuần + HKII: 17 tuần - Thực hiện theo khung phân phối chương trình,	- Thực hiện 35 tuần thực học + HKI: 18 tuần + HKII: 17 tuần - Thực hiện theo khung phân phối chương trình,	- Thực hiện 35 tuần thực học + HKI: 18 tuần + HKII: 17 tuần - Thực hiện theo khung phân phối chương trình, giảm tải

	phân phối chương trình, giảm tải chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.	giảm tải chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.	giảm tải chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.	chương trình do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.
III. Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình. **Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh**	**<u>* Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS:</u>** - Họp PHHS định kỳ 3 lần/năm (đầu năm, trước khi thi HK1 và HK2) - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại: • Liên lạc bằng điện thoại, thư điện tử. • Gặp trực tiếp gia đình HS khi cần thiết, • Gửi phiếu liên lạc 2 lần/học kỳ **<u>* Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</u>** - Chăm chỉ, chuyên cần. - Tích cực trong giờ học. - Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.	**<u>* Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS:</u>** - Họp PHHS định kỳ 3 lần/năm (đầu năm, trước khi thi HK1và HK2) - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại: • Liên lạc bằng điện thoại, thư điện tử. • Gặp trực tiếp gia đình HS khi cần thiết, • Gửi phiếu liên lạc 2 lần/học kỳ **<u>* Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</u>** - Chăm chỉ, chuyên cần. - Tích cực trong giờ học. - Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.	**<u>* Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS:</u>** - Họp PHHS định kỳ 3 lần/năm (đầu năm, trước khi thi HK1 và HK2) - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại: • Liên lạc bằng điện thoại, thư điện tử. • Gặp trực tiếp gia đình HS khi cần thiết, • Gửi phiếu liên lạc 2lần/học kỳ **<u>* Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</u>** - Chăm chỉ, chuyên cần. - Tích cực trong giờ học. - Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.	**<u>*Phối hợp giữa nhà trường và gia đình HS:</u>** - Họp PHHS định kỳ 3 lần/năm (đầu năm, trước khi thi HK1 và HK2) - Thông qua GVCN, tạo sự phối hợp chặt chẽ, kịp thời giữa nhà trường - gia đình học sinh và ngược lại: • Liên lạc bằng điện thoại, thư điện tử. • Gặp trực tiếp gia đình HS khi cần thiết, • Gửi phiếu liên lạc 2 lần/học kỳ **<u>* Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:</u>** - Chăm chỉ, chuyên cần. - Tích cực trong giờ học. - Có ý thức trong việc ôn bài, chuẩn bị bài đầy đủ trước khi đến lớp.
IV. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<u>- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa cho HS:</u> - **Hoạt động GDTNHN** (3 tiết/tuần). - Tổ chức các **hoạt động**	<u>- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa cho HS:</u> - **Hoạt động GDTNHN** (3 tiết/tuần). - Tổ chức các **hoạt động**	<u>- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa cho HS:</u> - **Hoạt động GDTNHN** (3 tiết/tuần). - Tổ chức các **hoạt động**	<u>- Thực hiện đầy đủ, có chất lượng các hoạt động hỗ trợ học tập, ngoại khóa cho HS:</u> - **Hoạt động GDNGLL** (vào ngày thứ Hai tuần thứ 2 và 4 hàng tháng).

<table>
<tr>
<td></td>
<td>VH-VN-TDTT nhân các ngày lễ
- Tổ chức cho HS K6 học tự chọn môn thể dục (bơi) ở HKI.</td>
<td>VH-VN-TDTT nhân các ngày lễ
- Tổ chức cho HS K7 học tự chọn môn thể dục (bơi) ở HKI</td>
<td>VH-VN-TDTT nhân các ngày lễ
- Tổ chức cho HS K8 tiết học ngoài nhà trường tại Khu di tích Láng Le – Bàu Cò</td>
<td>- Tổ chức các hoạt động VH-VN-TDTT nhân các ngày lễ
- Hoạt động giáo dục hướng nghiệp, dạy nghề
+ HS được tham quan hướng nghiệp 1 lần/năm.</td>
</tr>
<tr>
<td>V. Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được</td>
<td>* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS: (tỉ lệ %)
<table>
<tr><th></th><th>T</th><th>K</th><th>Đ</th><th>CĐ</th></tr>
<tr><td>HK</td><td>90</td><td>6</td><td>4</td><td>0</td></tr>
<tr><td>HL</td><td>45</td><td>40</td><td>15</td><td>0</td></tr>
<tr><td colspan="2">Lên lớp thẳng</td><td colspan="3">100</td></tr>
</table></td>
<td>* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS: (tỉ lệ %)
<table>
<tr><th></th><th>T</th><th>K</th><th>Đ</th><th>CĐ</th></tr>
<tr><td>HK</td><td>80</td><td>18</td><td>2</td><td></td></tr>
<tr><td>HL</td><td>40</td><td>40</td><td>19,5</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td colspan="3">Lên lớp thẳng</td><td colspan="2">99,5</td></tr>
</table></td>
<td>* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS: (tỉ lệ %)
<table>
<tr><th></th><th>T</th><th>K</th><th>Đ</th><th>CĐ</th></tr>
<tr><td>HK</td><td>85</td><td>13</td><td>2</td><td>0</td></tr>
<tr><td>HL</td><td>45</td><td>35</td><td>19,5</td><td>0,5</td></tr>
<tr><td colspan="3">Lên lớp thẳng</td><td colspan="2">99,5</td></tr>
</table></td>
<td>* Dự kiến kết quả rèn luyện của HS: (tỉ lệ %)
<table>
<tr><th></th><th>T</th><th>K</th><th>TB</th><th>Y</th></tr>
<tr><td>HK</td><td>90</td><td>8</td><td>2</td><td>0</td></tr>
<tr><td>HL</td><td>42</td><td>38</td><td>18</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="3">Xét TN.THCS</td><td colspan="2">100</td></tr>
</table></td>
</tr>
<tr>
<td>VI. Khả năng học tập tiếp tục của học sinh</td>
<td>- 100% học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 7</td>
<td>- >99,5% học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 8</td>
<td>- >99,5 % học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 9</td>
<td>- 70 % học sinh đủ kiến thức, khả năng học tiếp lên lớp 10
- 30% học sinh học các trường nghề.</td>
</tr>
</table>

Tân Nhựt, Ngày 26 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN NHỰT

Nguyễn Thị Ngọc Bích

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG THCS TÂN NHỰT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường THCS Tân Nhựt
Năm học 2023 – 2024
(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 11

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	**38**	1,2 m^2/HS
II	**Loại phòng học**		
1	Phòng học kiên cố	38	1,2 m^2/HS
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ	0	
5	Số phòng học bộ môn	06	1,8 m^2/HS
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	01	2,1 m^2/HS
7	Bình quân lớp/phòng học	38/38	1,2 m^2/HS
8	Bình quân học sinh/lớp	41,87	1,2 m^2/HS
III	**Số điểm trường**		
IV	**Tổng số diện tích đất** (m^2)	**11.000**	7 m^2/HS
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập** (m^2)	**4.000**	3 m^2/HS
VI	**Tổng diện tích các phòng**	1.931,92	
1	Diện tích phòng học (m^2)	50,84	
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	76,26	
3	Diện tích thư viện (m^2)	76,26	
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	525	
5	Diện tích phòng: - Hoạt động Đoàn đội - Phòng Truyền thống	 - 12,71 -12,71	
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 6		
1.2	Khối lớp 7		

1.3	Khối lớp 8		
1.4	Khối lớp 9		
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 6		
2.2	Khối lớp 7		
2.3	Khối lớp 8		
2.4	Khối lớp 9		
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	**45**	

IX	**Tổng số thiết bị đang sử dụng**	**Số lượng**	**Số thiết bị/lớp**
1	Ti vi	21	17TV/17 lớp (3 phòng Chức năng và 1 TV phục vụ chung cho HS tại sảnh)
2	Casset	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	5	
5	Máy vi tính phục vụ quản lý, dạy học	54	9 máy QL, 45 máy phòng Tin học
6	Máy in	9	
7	Máy photocoppy	1	

	Nội dung	**Số lượng (m^2)**
X	**Nhà bếp**	**0**
XI	**Nhà ăn**	**0**

	Nội dung	**Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)**	**Số chỗ**	**Diện tích bình quân/chỗ**
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh bán trú**	0	0	0
XIII	**Khu nội trú**	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*			8/8		0,25/0,25
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)		X
XVII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XIX	Tường rào xây	X	

Bình chánh, Ngày 26 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Ngọc Bích

UBND HUYỆN BÌNH CHÁNH
TRƯỜNG THCS TÂN NHỰT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆTNAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của Trường THCS Tân Nhựt năm học 2023 - 2024

(Theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Biểu mẫu 12

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			Ghi chú
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tốt	Khá	Đạt	Nhân viên hạng IV
	Tổng số CBQL, GV, NV	**74**		**5**	**56**	**3**	**2**	**8**		**31**	**32**	**61**	**2**		**3**
I	**Giáo viên**	**60**		**3**	**54**	**3**				**29**	**31**	**58**	**2**		
1	Toán	9		1	8					3	6	8	1		
2	Lý	4			4					4		4			
3	Hóa	3			3					1	2	3			
4	Sinh	4			4					1	3	4			
5	Văn	9			9					7	2	9			
6	Sử	3			3					2	1	3			
7	Địa	4			4					1	3	4			
8	GDCD	2			2					2		2			
9	Tiếng Anh	6		1	4	1				3	3	6			
10	Công nghệ	3			3					3		3			
11	Thể dục	5			5					1	4	4	1		
12	Nhạc	2			1	1					2	2			
13	Mỹ thuật	2			1	1					2	2			
14	Tin học	4		1	3					1	3	4			
II	**Cán bộ quản lý**	**3**		**2**	**1**					**2**	**1**	**3**			
1	Hiệu trưởng	1		1						1		1			

2	Phó hiệu trưởng	2		1	1					1	1	2			
III	**Nhân viên**	**11**			**1**		**2**	**8**							**3**
1	Văn thư	1						1							
2	Kế toán	1			1										1
3	Thủ quỹ	0													
4	Y tế	1					1								1
5	Thư viện	1					1								1
6	Thiết bị	0													
7	CNTT	0													
8	Phục vụ	3						3							
9	Bảo vệ	4						4							

Tân Nhựt, ngày 26 tháng 6 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ TÂN NHỰT

Nguyễn Thị Ngọc Bích